

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

American Auditing

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------|
| 1, BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH | 1 |
| 2, BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH | 2 |
| 3, BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG | 3 - 5 |
| 4, BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO | 6 - 9 |
| 5, BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG | 10 |

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG, được trình bày từ trang 2 đến trang 10.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG kèm theo được soạn lập phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 về Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài Chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



NGUYỄN HỮU TRÍ

Giám đốc

Chứng Chỉ KTV số 0476/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2013

BÙI VĂN BÔNG

Kiểm toán viên

Chứng Chỉ KTV số 0177/KTV

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH THUY

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**

PHAN NGỌC TƯỜNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
|------------|---|-----------------------|--------------------|-----------------|
| A | Nguồn vốn | (1) | (2) | (3) |
| 1. | Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 135.000.000.000 | | |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | - | | |
| 3. | Cổ phiếu quỹ | - | | |
| 4. | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | - | | |
| 5. | Quỹ đầu tư phát triển | - | | |
| 6. | Quỹ dự phòng tài chính | - | | |
| 7. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | | |
| 8. | Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật | (57.828.038.046) | | |
| 9. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi) | - | | |
| 10. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | | |
| 11. | Lợi ích của cổ đông thiểu số | - | | |
| 12. | Các khoản nợ có thể chuyển đổi | | | - |
| 13. | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính | | 7.675.678.225 | 283.938 |
| 1A | Tổng | 69.496.567.667 | | |
| B | Tài sản ngắn hạn | | | |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | - |
| II | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | - | - | - |
| | Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8 | - | - | - |
| | Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5 | - | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) | - | - | - |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | - | 749.173.145 | - |
| 1. | Phải thu của khách hàng | - | 678.515.590 | - |
| | Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | - | - | - |
| | Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | - | 678.515.590 | - |
| 2. | Trả trước cho người bán | - | 70.657.555 | - |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | - | - | - |
| | Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN
 CHỨNG KHOÁN
 SEN VÀNG
 CHI MỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
|-----------|--|--------------|--------------------|-----------------|
| | Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | - | - | - |
| 4. | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | - | - | - |
| | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | - | - | - |
| | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | - | - | - |
| 5. | Các khoản phải thu khác | - | - | - |
| | Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | - | - | - |
| | Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | - | - | - |
| 6. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | - | - | - |
| IV | Hàng tồn kho | - | - | - |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | - | 239.294.605 | - |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | - | 147.775.196 | - |
| 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | - | - | - |
| 3. | Thuế và các khoản phải thu nhà nước | - | - | - |
| 4. | Tài sản ngắn hạn khác | - | 91.519.409 | - |
| 4.1 | Tạm ứng | - | - | - |
| | Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống | - | - | - |
| | Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày | - | - | - |
| 4.2 | Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác | - | 91.519.409 | - |
| 1B | Tổng | | 988.467.750 | |
| C | Tài sản dài hạn | | | |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | - | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | - | - | - |
| | Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | - | - | - |
| | Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | - | - | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | - | - | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | - | - | - |
| | Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | - | - | - |
| | Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | - | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm |
|--------------------------------|---|-----------------------|-----------------------|-----------------|
| 4. | Phải thu dài hạn khác | - | - | - |
| | Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | - | - | - |
| | Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | - | - | - |
| 1.5 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | - | - | - |
| II | Tài sản cố định | - | 18.849.499.346 | - |
| III | Bất động sản đầu tư | - | - | - |
| IV | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | - | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | - | - | - |
| 3. | Đầu tư chứng khoán dài hạn | - | - | - |
| | Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8 | - | - | - |
| | Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5 | - | - | - |
| 4. | Đầu tư dài hạn khác | - | - | - |
| 5. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | - | - | - |
| V | Tài sản dài hạn khác | - | 1.074.733.527 | - |
| | Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5 | - | - | - |
| 1C | Tổng | - | 19.924.232.873 | - |
| VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C | | 48.583.867.044 | | |

Đ: 3
CÔM
CỔ P
HỨNG
SEN
TR

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

| A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG | | | | |
|-----------------------------|--|-----------------|----------------|-----------------|
| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | - |
| 1. | Tiền mặt (VND) | 0% | 15.550.040.663 | - |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 0% | - | - |
| 3. | Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ | 0% | | - |
| II | Trái phiếu chính phủ | | | - |
| 4. | Trái phiếu Chính phủ không trả lãi | 0% | | - |
| 5. | Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định | | | - |
| 5.1 | Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD | 3% | | - |
| 5.2 | Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm; | 3% | | - |
| | Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm; | 4% | | - |
| | Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên; | 5% | | - |
| III | Trái phiếu doanh nghiệp | | | - |
| 6. | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8% | | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15% | | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20% | | - |
| 7. | Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25% | | - |
| | Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30% | | - |
| | Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 40% | | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

V/v Báo cáo chi tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

| | | | | |
|--|--|----------------------|----------------------|-----------------------|
| IV | Cổ phiếu | | | 4.668.060.802 |
| 8. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở | 10% | 18.443.011.920 | 1.844.301.192 |
| 9. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 15% | 3.347.460.000 | 502.119.000 |
| 10. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom | 20% | 45.500 | 9.100 |
| 11. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO) | 30% | 7.738.771.700 | 2.321.631.510 |
| 12. | Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác | 50% | - | - |
| V | Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán | | | - |
| 13. | Quy đại chung, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng | 10% | | - |
| 14. | Quy thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ | 30% | | - |
| VI | Chứng khoán bị hạn chế giao dịch | | | - |
| 15. | Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch | 40% | | - |
| 16. | Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch | 50% | | - |
| VII | Chứng khoán khác | | | - |
| 17. | Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác | 80% | | - |
| 18. | Các tài sản đầu tư khác | | | |
| VIII | Mức rủi ro tăng thêm (nếu có) | | | - |
| | Mã chứng khoán | Mức tăng thêm | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| 1. | | | | |
| 2. | | | | |
| 3. | | | | |
| A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII) | | | | 4.668.060.802 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| I | Loại hình giao dịch | Giá trị rủi ro | | | | | | Tổng giá trị rủi ro |
|----|--|----------------|-----|-----|-----|-----|-----|------------------------|
| | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | |
| | Rủi ro trước thời hạn thanh toán | | | | | | | |
| 1. | Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. | - | - | - | - | - | - | |
| 2. | Cho vay chứng khoán/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | |
| 3. | Vay chứng khoán/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | |
| 4. | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | |
| 5. | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | |
| 6. | Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| B. RỦI RO THANH TOÁN | | | | |
|---|---|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| II | Rủi ro quá thời hạn thanh toán | | | |
| | Thời gian quá hạn | Hệ số rủi ro | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| 1. | 0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 16% | - | - |
| 2. | 16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 32% | - | - |
| 3. | 31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 48% | - | - |
| 4. | Từ 60 ngày trở đi | 100% | - | - |
| III | Rủi ro tăng thêm (nếu có) | | | |
| | Chi tiết đến từng khoản vay, từng đối tác | Hệ số rủi ro | Quy mô rủi ro | Giá trị rủi ro |
| 1. | ... | | | - |
| 2. | ... | | | - |
| 3. | ... | | | - |
| B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B = I+II+III) | | | | - |
| C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG) | | | | |
| | | | Giá trị | |
| I | Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng | | 15.283.598.354 | |
| II | Các khoản chi phí trừ khỏi tổng chi phí | | 64.443.743 | |
| 1. | Chi phí khấu hao | | 3.443.398.865 | |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn | | (3.478.083.840) | |
| 3. | Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn | | - | |
| 4. | Dự phòng nợ phải thu khó đòi | | 99.128.718 | |
| III | Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II) | | 15.219.154.611 | |
| IV | 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III) | | 3.804.788.653 | |
| V | 20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán | | 27.000.000.000 | |
| C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V}) | | | 27.000.000.000 | |
| D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C) | | | 31.668.060.802 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

| STT | Các chỉ tiêu | Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng | Ghi chú (nếu có) |
|-----|---|---------------------------------|---------------------|
| 1. | Tổng giá trị rủi ro thị trường | 4.668.060.802 | |
| 2. | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | - | |
| 3. | Tổng giá trị rủi ro hoạt động | 27.000.000.000 | |
| 4. | Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) | 31.668.060.802 | |
| 5. | Vốn khả dụng | 48.583.867.044 | |
| 6. | Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) | 153,42% | |

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ BÍCH THUY

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

PHAN NGỌC TƯỜNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH